**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH**

**Quý I/2024**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU GIA TĂNG THU NHẬP CỐ ĐỊNH (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ **tăng** **715,46** (%) so với kỳ báo cáo ngày 31/03/2023, thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là +**7,54** (%).

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

 Chiến lược đầu tư của Quỹ DCIP là dựa trên cơ sở phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích cơ bản về doanh nghiệp và áp dụng chiến lược phòng vệ rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn và gia tăng lợi nhuận cho danh mục

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

 Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 2.389.697.430.728 Đồng Việt Nam, tương ứng với 221.307.075,14 chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022**  |
|  |  |  |  |
| Danh mục chứng khoán | 34,51% | 82,33% | 60,22% |
| Tài sản khác | 65,49% | 17,67% | 39,78% |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **100,00%** | **100,00%** | **100,00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 2.389.697.430.728 | 293.048.971.062 | 280.164.586.481 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 221.307.075,14 | 29.184.972,54 | 28.539.856,68 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 10,798.10 | 10,041.09 | 9,816.60 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10,798.10 | 10,041.09 | 9,816.60 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10,670.03 | 9,885.61 | 9,663.54 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 1.20% | 0.92% | 1.59% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0.09% | -0.05% | -0.06% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 1.11% | 0.97% | 1.64% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có  | Không có   | Không có   |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ |  Không có  | Không có   | Không có   |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  Không có  | Không có   | Không có   |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.36% | 1.69% | 1.65% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 229.10% | 139.17% | 77.04% |

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQhàng năm (%)** |
| 1 năm | 7,54 | 7,54 |
| 3 năm | 14,61 | 4,65 |
| Từ khi thành lập | 7,98 | 1,55 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 7,54% | 2,29% | 4,19% |

*\* Ghi chú: Từ ngày 21/05/2021, Quỹ đổi tên từ VFMVFC thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC (DCIP) và thay đổi chiến lược đầu tư từ danh mục đa dạng bao gồm cổ phiếu và trái phiếu sang danh mục đầu tư mang tính bảo toàn cao chỉ gồm các công cụ chứng khoán nợ (tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, ...) ; các chỉ số bao gồm giai đoạn trước ngày 21/05/2021 chỉ mang tính báo cáo, không mang tính đại diện cho hoạt động thực tế của quỹ.*

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Tháng 12 khép lại năm 2023 với những kết quả khá khả quan. Lạm phát được kiểm soát tốt với mức tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm thứ 7 liên tiếp lạm phát ở dưới mức 4%. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù con số này thấp hơn mục tiêu 6,5% cho cả năm, Trong tháng 03/2024, thị trường tiền tệ và ngoại hối tiếp tục là tâm điểm. Với tình hình tỷ giá liên tục tăng cao, từ ngày 11/3/2024 Ngân Hàng Nhà Nước (SBV) quyết định tái khởi động kênh tín phiếu nhằm giảm bớt thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng, từ đó mức chênh lãi suất giữa tiền đồng và USD được thu hẹp và giảm bớt đà tăng của tỷ giá. Đến cuối tháng 3/2024, tỷ giá liên ngân hàng ở quanh mức 24800, tăng 0.7% so với cuối tháng 2 và tăng 2.2% so với cuối năm trước. Mức tăng này thấp hơn so với 3.2% của chỉ số đo sức mạnh đồng USD DXY tính từ đầu năm, và tốc độ mất giá 6.8% của đồng JPY hay 5.9% của đồng THB. Lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn dưới 1 tháng đã tăng khoảng 0.8 – 1.5% trong tháng 3, lên vùng 2.7-3.3% vào cuối tháng. Trên thị trường huy động – cho vay, mặt bằng lãi suất nhìn chung không có nhiều biến động, vẫn ở mức 1.6-3.0% cho kỳ hạn dưới 6 tháng, 4.5-5.3% cho kỳ hạn trên 12 tháng. Lãi suất tiền gửi trung bình ở một số ngân hàng thậm chí còn giảm nhẹ tầm 0.1-0.3% cho các kỳ hạn khác nhau. Điều này được kỳ vọng sẽ giúp lãi suất cho vay được duy trì ở mức thấp, tiếp tục hỗ trợ sự phục hồi của nền kinh tế.

Về tình hình vĩ mô, chỉ số lạm phát trong tháng 3 giảm nhẹ 0,23% so với tháng trước, tăng 3.97% so với cùng kỳ năm trước và dưới mức mục tiêu 4-4.5%. Cán cân thanh toán tiếp tục thặng dư, đạt 2,9 tỷ USD trong tháng 3 và 8,1 tỷ tính từ đầu năm. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, cũng duy trì ở mức cao với mức đăng ký đạt 6,17 tỷ USD và mức giải ngân đạt 4,63 tỷ USD tính từ đầu năm, tương ứng tăng 13,4% và 7,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Tốc độ giải ngân trong tháng 3 cao hơn trung bình 2 tháng đầu năm khoảng 30%.



Đối với Trái phiếu Chính phủ (TPCP), trong tháng 3 có 18 đợt phát hành với lượng phát hành đạt 32,5 nghìn tỷ đồng, tăng 15,5% so với tháng 2. Tỷ lệ trúng thầu giảm đáng kể, xuống mức 65% so với 95% của tháng trước. Điều này phản ánh tình hình biến động của thị trường liên ngân hàng, có thể gây áp lực tăng lãi suất huy động TPCP. Từ đầu năm, lãi suất trúng thầu tăng khá đều mỗi phiên, tuy nhiên mức tăng rất nhỏ, chỉ khoảng 0.01- 0.03%/ tuần. Kho Bạc Nhà Nước đã linh hoạt hơn trong việc phát hành, giúp tăng khối lượng huy động nhưng không gây ra biến động lớn đối với lãi suất. Nhìn chung, nhu cầu thị trường đối với TPCP vẫn cao nhưng đang hình thành xu hướng lãi suất khá rõ trên thị trường sơ cấp. Trên thị trường thứ cấp, lãi suất biến động trồi sụt theo thanh khoản của thị trường liên ngân hàng. Trong tháng 3, lãi suất TPCP tất cả các kỳ hạn đều tăng trong biên độ 0,2-0,4% so với cuối tháng trước. Đường cong lợi suất dịch chuyển tăng đều, nằm trong biên độ hẹp từ 1,7 – 3,3% cho kỳ hạn từ 1 đến 30 năm.

Trong tháng 3, tổng khối lượng giao dịch thông tường (Outright) tăng mạnh, 80% so với tháng 2. Tổng lượng giao dịch trong tháng đạt 156,3 nghìn tỷ, tương đương 7,4 nghìn tỷ/ ngày. Thanh khoản đã quay lại mức khá cao và cao hơn trung bình Q4-2023. Khối lượng giao dịch mua bán lại (REPO) tiếp tục tăng 39% so với tháng trước, đạt 76 nghìn tỷ đồng. Đây là mức tương đương giai đoạn rất thanh khoản của thị trường tiền tệ vào nửa đầu năm 2022. Động thái này phản ánh thanh khoản vẫn ở khá tốt trong hệ thống ngân hàng, sự phân hóa trong lãi suất và xu hướng ngắn hạn hình thành rõ hơn đối với vị thế TPCP.

Trong tháng 3/2024 có 8 trái phiếu mới được phát hành qua hình thức riêng lẻ, với giá trị tổng cộng 9,7 nghìn tỷ đồng. Tuy con số này đã tăng rõ rệt, tương đương lượng phát hành của cả hai tháng 1 và 2/2024, nhưng thị trường trái phiếu doanh nghiệp nhìn chung đã rất trầm lắng trong suốt quý 1 vừa qua. Tính từ đầu năm, chỉ có tổng cộng 17 trái phiếu được phát hành mới, trong đó có 1 trái phiếu chuyển đổi và 16 trái phiếu trơn với tổng giá trị 18,6 nghìn tỷ đồng. 3 trái phiếu phát hành ra công chúng gồm Vingroup, CII và VPI chiếm gần 30% lượng phát hành mới. Còn lại là 14 trái phiếu riêng lẻ, phần lớn được phát hành bởi các công ty không đại chúng và tập đoàn bất động sản lớn Vinhomes, Vingroup. Sự vắng mặt của nhóm ngân hàng thương mại, vốn là nhóm tổ chức phát hành có tỷ trọng lớn nhất trong năm 2023, cũng là một phần lý do cho giá trị phát hành thấp trong giai đoạn vừa qua. Nhóm ngành bất động sản hiện chiếm 56% giá trị phát hành mới, kế đến là nhóm xây dựng chiếm 25%, các ngành khác bao gồm vận tải, dịch vụ tiêu dùng, chứng khoán … đóng góp 19% còn lại.

Ngoài ảnh hưởng mang tính mùa vụ bởi kỳ nghỉ Tết và mùa chuẩn bị báo cáo tài chính trong quý 1, tăng trưởng tín dụng thấp, nhu cầu tái đầu tư chưa cao là hai yếu tố ảnh hưởng đến lượng phát hành mới trong quý đầu năm.

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)**  | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 2.52% | 3.96% | 3.63% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 5.02% | 10.65% | 4.35% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 7,54% | 14,61% | 7,98% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 7,54% | 4,65% | 1,55% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | N/A | N/A | N/A |
|  |   |   |   |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)=((1)-(2))/(2)** |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 2,389,697,430,728 | 293,048,971,062 | 715.46% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ |  10,798.10  |  10,041.09  | 7.54% |

Vào thời điểm 31 tháng 03 năm 2024, giá trị tài sản ròng của quỹ DCIP là 10.798,10 đồng/ CCQ, tăng 1,2% so với đầu năm. Trong 3 tháng đầu 2024 , DCIP có mức tăng 1,2%, cao hơn so với mức tăng 0,5% của tiền gửi 3 tháng trung bình từ nhóm 4 ngân hàng lớn nhất.

Mức tăng lãi suất của Quỹ trong 3 tháng đầu 2024 chịu ảnh hưởng từ việc lãi suất thị trường tiếp tục giảm và các khoản tái đầu tư với mức lãi suất mới khá thấp. Tuy nhiên, so với mức lãi suât đang rất thấp của tiền gửi tham chiếu ( lãi suất 3 tháng) thì Quỹ đang có lợi thế tốt.

Với danh mục hiện tại, lợi nhuận của Quỹ được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức ổn định và đảm bảo khả năng thanh khoản của Quỹ.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ** **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 17,748.00  | 1,866,821.58  | 0.84% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 249.00  | 2,042,822.30  | 0.92% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 559.00  | 16,031,111.21  | 7.24% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 592.00  | 90,339,494.00  | 40.82% |
| Trên 500.000 | 55.00  | 111,026,826.05  | 50.17% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **19,203** | **221,307,075.14** | **100.00%** |

**4.3. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ DCIP, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ DCIP với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cập dịch vụ cho Quỹ.

**5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Tình hình lãi suất tại Việt Nam trong năm 2023 giảm và ở mức thấp trong vòng 3 năm. Tuy nhiên, với lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao trong 3 tháng đầu 2024, lãi suất tại Việt Nam dịch chuyển theo chiều đi lên và chịu áp lực gia tăng dưới tác động của tỷ giá và lãi suất toàn cầu.

Đối với TPCP, với mức chênh lệch lãi suất giữa USD và VND trên thị trường liên ngân hàng vẫn nằm ở mức cao và có khả năng tiếp tục duy trì do chính sách tiền tệ của Mỹ, cũng như việc tăng giá của đồng USD trên thị trường thế giới, NHNN chịu áp lực trong việc tăng lãi suất, và tạo điều kiện cho xu hướng tăng của lãi suất TPCP trong thời gian tới.

Đối với TPDN, trong Quý 1/2024, thị trường có dấu hiệu trầm lắng khi mà lượng phát hành mới nằm ở mức thấp. Nguyên nhân của sự trầm lắng này là do ảnh hưởng mang tính vụ mùa của kỳ nghỉ Tết và báo cáo năm tài chính, cũng như sự vắng mặt của ngân hàng thương mại trong nhóm tổ chức phát hành, xuất phát từ tình hình tăng trưởng tín dụng thấp trong 3 tháng đầu năm. Thị trường có khả năng sôi động trở lại trong thời gian tới khi tín dụng được đẩy mạnh và nền kinh tế dần phục hồi.

1. **THÔNG TIN KHÁC**

**Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế.
* Từ 2010 đến 12/3/2021: Phó Tổng Giám đốc – Khối Đầu tư Nghiên cứu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.
* Từ 12/3/2021 đến nay: Giám đốc Quản lý Tài sản, Khối Trong nước của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

- Ông Nguyễn Sang Lộc, Cử nhân Tài chính.

* Từ 16/4/2016 đến 31/12/2016: Chuyên viên Nghiên cứu cấp cao – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.
* Từ 1/1/2017 đến 31/12/2020: Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.
* Từ 1/1/2021 đến nay: Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

**Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Bà Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
* Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng Giao dịch Chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán dầu khí.
* Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam.
* Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán.
* Từ 8/2004 đến 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Dệt Minh Thắng.
* Từ 12/2007 đến 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán AS.
* Từ 9/2012 đến 5/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán FA.
* Từ 2013 đến 9/2016: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín
* Từ 10/2016 đến 12/2019: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín.
* Từ 1/2020 đến nay: Giám đốc Nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng.
* Bà Trần Ngọc Hân, Thành viên, Thạc sỹ luật – Luật sư.

Hiện là Chuyên viên cao cấp Phòng Pháp chế Tuân thủ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc,
* 8/ 1996 - 7/ 2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia
* 12/ 2002 - 2/ 2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan
* 3/ 2004 - 8/ 2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh
* 9/2006 - 3/ 2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính
* 4/ 2009 - 1/ 2010: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần
* 3/ 2010 - 3/ 2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành
* 4/ 2011 - 12/ 2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện
* 12/ 2016 - 12/ 2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện
* 12/ 2020 - nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Tp.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2024

**Quyền Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**

**Lê Hoàng Anh**